

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HS-ST
Ngày: 11/11/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Dũng;
2. Bà Nguyễn Thị Lệ.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Hồng Thắm là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T Ch, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Quách Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 48/2022/TLST-HS ngày 11 tháng 10 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2022/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 10 năm 2022 đối với:

Bị cáo: Phan Văn V, sinh năm 1987; Nơi cư trú: Khóm L H, phường L C, thị xã T C, tỉnh A G; Nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 06/12; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Đạo phật; con ông Phan Văn M, sinh năm 1962 và bà Ngô Thị T, sinh năm 1964; Anh, chị em ruột: Có 02 người, bị cáo là người lớn nhất.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được tại ngoại, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Phan Văn V: Bà Lê Hồ B H, sinh năm 1974. Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh A G (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị hại: Bà Ngô Thị T, sinh năm 1964. Nơi cư trú: Khóm L H, phường L C, thị xã T C, tỉnh A G (có mặt).

Người làm chứng:

- Phan Văn M, sinh năm 1962 (vắng mặt);
- Võ Kim G, sinh năm 1978 (vắng mặt);

- Huỳnh Thị N, sinh năm 1954 (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền trả nợ, Phan Văn V nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của gia đình. Lợi dụng sơ hở của Phan Văn M (cha của V), V lén cất giấu chìa khóa xe mô tô, nhãn hiệu Honda, loại SH 150i, biển số 67H1-363.98. Đến khoảng 23 giờ ngày 17/5/2022, V thấy ông M và bà Ngô Thị T (mẹ của V) đã đi ngủ, V lấy chìa khóa xe biển số 67H1-363.98, mở khóa, lén lút dẫn ra dựng phía trước nhà. Sau đó, V quay vào nhà, đóng, khóa cửa chính, mở cửa sau đi ra ngoài. V điều khiển xe đến thành phố L X rồi quay về thành phố Ch Đ để tìm nơi tiêu thụ, nhưng không được. Đến khoảng 09 giờ ngày 18/5/2022, V điều khiển xe đến thuê phòng trọ tại nhà trọ M T thuộc khóm L A B, phường L P, thị xã T C, đến tối cùng ngày, V điều khiển xe đến nhờ người bạn tên T (chưa rõ họ, địa chỉ cụ thể) mang xe đi cầm được 20.000.000 đồng, nhận tiền xong V đi bộ về nhà trọ M T ngủ. Đến sáng ngày 19/5/2022, V điện thoại đưa cho T 20.300.000 đồng để chuộc lại xe mô tô biển số 67H1-363.98, rồi đến Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thị xã T Ch đầu thú, giao nộp xe mô tô nêu trên.

Riêng ông M, bà T phát hiện bị mất tài sản, trình báo Công an và có đơn yêu cầu xử lý hình sự đối với V.

Ngày 22/7/2022, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thị xã T Ch, khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can đối với Phan Văn V, về tội “Trộm cắp tài sản”.

* Vật chứng thu giữ trong vụ án gồm:

- 01 (một) xe mô tô biển số 67H1-363.98, nhãn hiệu Honda, loại SH 150i, màu đen, số máy: 0112457KTGE1, số khung: 08A07F181169; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 029916; 01 chìa khóa xe có tay cầm bằng nhựa màu đen và dòng chữ Honda, chiều dài 07cm (tài sản đã qua sử dụng, đã trao trả cho bị hại).

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 247 ngày 15/6/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã T Ch, kết luận:

01 (Một) xe mô tô biển số 67H1-363.98, nhãn hiệu Honda, loại SH 150i, màu đen, số máy: 0112457KTGE1, số khung: 08A07F181169, đã qua sử dụng, trị giá 90.000.000 đồng.

Lời khai của người bị hại và những người làm chứng: Bà Ngô Thị T, ông Phan Văn M, chị Võ Kim G, bà Huỳnh Thị N trình bày phù hợp với nội dung vụ án đã nêu. Hiện, bị hại T đã nhận lại tài sản bị mất trộm, không yêu cầu bồi thường, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Trước Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã T Ch, bị cáo Phan Văn V khai nhận như nội dung vụ án đã nêu trên. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, kết luận định giá tài sản, biên bản tiếp nhận

nguồn tin tội phạm ngày 18/5/2022, các vật chứng và tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Bản Cáo trạng số 50/CT-VKSTC - HS ngày 10 tháng 10 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T Ch, tỉnh A G đã truy tố bị cáo Phan Văn V về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo Phan Văn V đã khai nhận T bộ hành vi phạm tội của mình theo đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

Người làm chứng Phan Văn M, Võ Kim G, Huỳnh Thị N đều vắng mặt. Tuy nhiên, đã có lời khai trong hồ sơ vụ án thể hiện như nội dung vụ án đã nêu.

Tại phiên tòa, trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T Ch vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng: điểm c khoản 2, Điều 173; điểm p, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Xử phạt bị cáo Phan Văn V từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 04 năm đến 05 năm.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy hoàn cảnh kinh tế của bị cáo khó khăn nên đề nghị HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung, phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Ngô Thị T đã nhận lại tài sản mất trộm, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên đề nghị không đề cập giải quyết trong vụ án.

Về xử lý vật chứng: Hiện nay các vật chứng đã xử lý xong, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét về xử lý vật chứng.

* Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Phan Văn V: Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, việc bị cáo lấy tài sản của mẹ là bà Thủy nhưng bà Thủy không biết và bị cáo thừa nhận hành vi vi phạm của mình nên Viện kiểm sát nhân dân thị xã T Ch truy tố bị cáo theo điểm c khoản 2 Điều 173 là có căn cứ. Tuy nhiên, cũng đề nghị HĐXX xem xét nhân thân, hoàn cảnh phạm tội của bị cáo, bản thân bị cáo bị bệnh tiểu đường, ảnh hưởng rất nhiều đến sức khỏe như teo cơ, tiểu không tự chủ, đi lại khó khăn, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Do đó, đề nghị HĐXX cho bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ tại điểm p, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm c, khoản 2 Điều 173 BLHS năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo Phan Văn V mức hình phạt thấp nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Trong phần tranh luận, bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, đồng ý theo Quyết định truy tố và quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến khác.

Bị cáo V nói lời sau cùng, xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị cáo Phan Văn V bị Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã T Ch khởi tố về hành vi “Trộm cắp tài sản” xảy ra tại Khóm L H, phường L C, thị xã T C, tỉnh A G nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã T Ch.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã T Ch, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã T Ch, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Sự vắng mặt của người bào chữa cho bị cáo Phan Văn V là bà Lê Hồ B H. Bà H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và bà có gửi luận cứ bào chữa cho Tòa án. Bị cáo V đồng ý xét xử vắng mặt bà H. Những người làm chứng ông Phan Văn M, bà Võ Kim G và bà Huỳnh Thị N đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Tuy nhiên, đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của những người này không gây trở ngại cho việc xét xử. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 quyết định vẫn tiến hành xét xử.

- Về nội dung:

[1] Hành vi phạm tội:

Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai nhận tội của bị cáo tại Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã T Ch, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, kết luận định giá tài sản cùng các tài liệu điều tra khác trong hồ sơ có đủ cơ sở kết luận: Do cần tiền trả nợ, Phan Văn V nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của gia đình. Lợi dụng sơ hở của Phan Văn M (cha của V), V lén cất giấu chìa khóa xe mô tô, nhãn hiệu Honda, loại SH 150i, biển số 67H1-363.98. Đến khoảng 23 giờ ngày 17/5/2022, V thấy ông M và bà Ngô Thị T (mẹ của V) đã đi ngủ, V lấy chìa khóa xe biển số 67H1-363.98, mở khóa, lén lút dẫn ra dựng phía trước nhà. Sau đó, V quay vào nhà, đóng, khóa cửa chính, mở cửa sau đi ra ngoài. V điều khiển xe đến thành phố L Xròi quay về thành phố Ch Đ để tìm nơi tiêu thụ, nhưng không được. Đến khoảng 09 giờ ngày 18/5/2022, V điều khiển xe đến thuê phòng trọ tại nhà trọ M T thuộc khóm L A B, phường L P, thị xã T C, đến tối cùng ngày, V điều khiển xe đến nhờ người bạn tên T (chưa rõ họ, địa chỉ cụ thể) mang xe đi cầm được 20.000.000 đồng, nhận tiền xong V đi bộ về nhà trọ M T ngủ. Đến sáng ngày 19/5/2022, V điện thoại đưa cho T 20.300.000 đồng để chuộc lại xe mô tô biển

số 67H1-363.98, rồi đến Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thị xã T Ch đầu thú, giao nộp xe mô tô nêu trên.

Hành vi của bị cáo Phan Văn V đã cấu thành tội: “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thị xã T Ch đã đưa ra các chứng cứ buộc tội và truy tố bị cáo về tội danh nêu trên là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét thấy, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo bị bệnh tiểu đường, ảnh hưởng rất nhiều đến sức khỏe như teo cơ, tiểu không tự chủ, đi lại khó khăn; Bị cáo là người bị khuyết tật nặng. Tại phiên tòa bị hại có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó khi quyết định hình phạt HĐXX có xem xét giảm nhẹ một phần cho bị cáo theo điểm p, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Hình phạt chính: Xét thấy bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, nhân thân tốt và bị cáo là người bị khuyết tật, nên HĐXX xét không cần bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù mà cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách cũng đã đủ tác dụng răn đe, giáo dục và để tạo điều kiện cho bị cáo sửa chữa khắc phục lỗi lầm, tham gia lao động làm người có ích cho gia đình, xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy hoàn cảnh kinh tế của bị cáo khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Ngô Thị T đã nhận lại tài sản mất trộm, bà không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng: Hiện nay các vật chứng đã xử lý xong, nên Hội đồng xét xử không xem xét về xử lý vật chứng.

[7] Các vấn đề khác: Đối với người tên T (không rõ họ, địa chỉ) có hành vi cầm xe dùm cho bị cáo Phan Văn V, do chưa xác định được nhân thân, địa chỉ cụ thể nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra - Công an thị xã T Ch tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

(Theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 333, Điều 337 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2, Điều 173; điểm p, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố: Bị cáo Phan Văn V phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Phan Văn V 02 (hai) năm tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm. Kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Phan Văn V cho Ủy ban nhân dân phường L Ch, thị xã T Ch, tỉnh A G để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách; bị cáo Phan Văn V phải thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo Luật Thi hành án hình sự. Trường hợp bị cáo Phan Văn V thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, bị cáo Phan Văn V cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Phan Văn V phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 333, Điều 337 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Bị cáo Phan Văn V phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng).

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án, bị cáo Phan Văn V, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị Thủy được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND thị xã T Ch(2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Phòng hồ sơ (1);
- Chi cục THADS TXTC (1);
- Cơ quan Cảnh sát Điều tra - Công An thị xã T Ch
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Ngọc Lan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Viện KSND thị xã T Ch(2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Phòng hồ sơ (1);
- Chi cục THADS TXTC (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Ngọc Lan